

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 01 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				-27,729
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		30,000	580	17,400,000
	Được chi trong ngày				17,372,271
	Đã chi trong ngày				17,392,350
	1. Dịch vụ				870,000
1	Điện bếp		1,500	580	870,000
	2. Kho				3,353,750
	Ăn chính				3,353,750
1	Bột mì	Kg	30,000	0.4	12,000
2	Dầu ăn Neptune 1L	Lit	80,000	1	80,000
3	Gạo Bắc Hương	Kg	25,000	40.2	1,005,000
4	Hạt Nêm Knorr Thịt thăn, Xương Ống và Tỳ	Kg	85,000	0.4	34,000
5	Nước mắm Nam Ngư	Lit	80,000	0.4	32,000
6	Bột canh i-ốt hải châu	Kg	36,000	1	36,000
7	Sữa bột Dielac Super Star	Kg	285,000	7.55	2,151,750
8	Muối iốt	Kg	10,000	0.3	3,000
	3. Đi chợ				13,168,600
	Ăn chính				13,168,600
1	Cà chua	Kg	38,000	6.7	254,600
2	Hành tây	Kg	24,000	1.8	43,200
3	Rau muống	Kg	28,000	12.9	361,200
4	Mực tươi	Kg	350,000	4.5	1,575,000
5	Mỡ lợn sống	Kg	90,000	0.6	54,000
6	Thịt lợn nạc thăn	Kg	189,000	2.4	453,600
7	Thịt nạc vai hữu cơ	Kg	189,000	17.9	3,383,100
8	Thì là	Kg	83,000	0.3	24,900
9	Bánh kem tươi	Kg	122,000	29	3,538,000
10	Thịt sấn vai bò bì	Kg	180,000	3.7	666,000
11	Sữa chua	Kg	120,000	23.2	2,784,000
12	Hành khô	Kg	90,000	0.2	18,000
13	Hành lá	Kg	65,000	0.2	13,000
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				3,353,750
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				13,168,600
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			580	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				17,400,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				17,392,350
	Chênh lệch cuối ngày				-20,078.75

Kế toán

Dặng Thị Phương Anh
Dặng Thị Phương Anh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nouân Thị Diên